

(Đề thi có 04 trang)

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Họ và tên thí sinh:..... SBD:.....

Mã đề thi
301

Câu 41: Dựa vào Atslats Địa lý Việt Nam cho biết dãy núi nào sau đây **không** thuộc vùng núi Tây Bắc?

- A. Dãy núi Pu Sam Sao. B. Hoàng Liên Sơn
C. Pu Đen Đinh D. Dãy Trường sơn

Câu 42: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với gió mùa Đông Bắc (Gió mùa mùa đông)?

- A. Luôn có tính chất lạnh khô khi hoạt động ở nước ta.
B. Di chuyển theo hướng Đông bắc.
C. Chủ yếu hoạt động ở phía Bắc dãy Bạch mã.
D. Hoạt động theo từng đợt trong thời gian từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau.

Câu 43: Lượng mưa trung bình năm có thể đạt 3500- 4000mm/năm là ở

- A. vùng ven biển.
B. những sườn núi đón gió biển và các khối núi cao.
C. Nam Bộ và Tây Nguyên.
D. ở vùng vịnh Bắc Bộ.

Câu 44: Vùng chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió phơn Tây nam là

- A. Bắc trung Bộ B. Đồng bằng sông Cửu Long
C. Miền núi và Trung du Bắc Bộ D. Duyên hải Nam Trung Bộ

Câu 45: Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của biển Đông **không** thể hiện ở

- A. sự phong phú đa dạng của tài nguyên sinh vật biển.
B. giàu dầu mỏ và khí đốt.
C. có các dòng biển thay đổi theo mùa.
D. nhiệt độ nước biển quanh năm cao trên 20°C.

Câu 46: Đây **không** phải là hạn chế của vùng đồi núi nước ta?

- A. Xói mòn, rửa trôi. B. Địa hình hiểm trở, chia cắt mạnh.
C. Ngập lụt. D. Lở đất, lũ quét..

Câu 47: Khó khăn lớn nhất về tự nhiên ở vùng đồng bằng của Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là:

- A. xói mòn rửa trôi đất ở miền núi..
B. ngập lụt trên diện rộng ở đồng bằng và hạ lưu các sông lớn..
C. thiếu nước trong mùa khô..
D. lũ quét

Câu 48: ASEAN được thành lập vào năm

- A. 1999. B. 1995. C. 1967. D. 1957.

Câu 49: Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại của nhân loại diễn ra vào thời gian nào?

- A. Cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI. B. Cuối thế kỷ XX.
C. Thế kỷ XX. D. Thế kỷ XXI.

Câu 50: Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta có biểu hiện là

- A. cân bằng ẩm luôn dương. B. lượng mưa trung bình năm lớn.
C. mỗi năm có 2 lần Mặt trời lên thiên đỉnh. D. nhiệt độ trung bình năm trên 20°C.

Câu 51: APEC là tên gọi viết tắt của tổ chức

- A. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái bình Dương.
B. Liên Minh Châu Âu.
C. Hiệp ước thương mại tự do Bắc Mỹ.
D. Thị trường chung Nam Mỹ.

Câu 52: Đây **không phải** là dạng địa hình do biển tạo nên?

- A. Tam giác châu. B. Các khe rãnh xói mòn
C. Vịnh cửa sông. D. Bãi cát phẳng

Câu 53: Tổ chức nào sau đây **không phải** là tổ chức liên kết khu vực?

- A. EU. B. MERCOSUR. C. WTO. D. ASEAN.

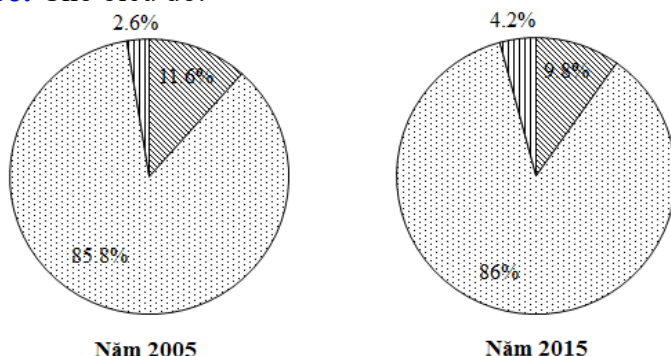
Câu 54: Cao nguyên nào sau đây **không** thuộc vùng núi Trường Sơn Nam?

- A. Đắc Lắc B. Mơ Nông Di Linh C. Plâycu D. Mộc Châu

Câu 55: Khí hậu quanh năm mát mẻ, không có tháng nào nhiệt độ trên 25°C , mưa nhiều, độ ẩm tăng...là đặc điểm khí hậu của đai

- A. cận nhiệt đới gió mùa trên núi B. nhiệt đới gió mùa.
C. ôn đới trên núi. C. đai có độ cao dưới 1000m

Câu 56: Cho biểu đồ:



Chú thích:
 Kinh tế Nhà nước
 Kinh tế ngoài nhà nước
 Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU LAO ĐỘNG ĐANG LÀM VIỆC PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ NĂM 2005 VÀ 2015

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây đúng với cơ cấu lao động đang làm việc phân theo thành phần kinh tế nước ta năm 2015 so với năm 2005?

- A. Khu vực Nhà nước tăng, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm
B. Khu vực ngoài Nhà nước giảm, khu vực Nhà nước tăng.
C. Khu vực Nhà nước giảm, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng.
D. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng, khu vực ngoài Nhà nước giảm.

Câu 57: Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm là

- A. rừng gió mùa nửa rụng lá. B. rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.
C. rừng nhiệt đới thường xanh. D. rừng cận xích đạo gió mùa.

Câu 58: Đây **không phải** là ý nghĩa kinh tế - xã hội của vị trí địa lý nước ta?

- A. Thảm thực vật bốn mùa xanh tốt, giàu sức sống.
B. Tạo điều kiện thuận lợi để nước ta chung sống hòa bình hữu nghị với các nước láng giềng..
C. Tạo thuận lợi phát triển các ngành kinh tế biển.
D. Giao lưu thuận lợi với các nước trong khu vực và trên TG.

Câu 59: Cho bảng số liệu: DÂN SỐ NƯỚC TA PHÂN THEO THÀNH THỊ, NÔNG THÔN (Đơn vị: triệu người)

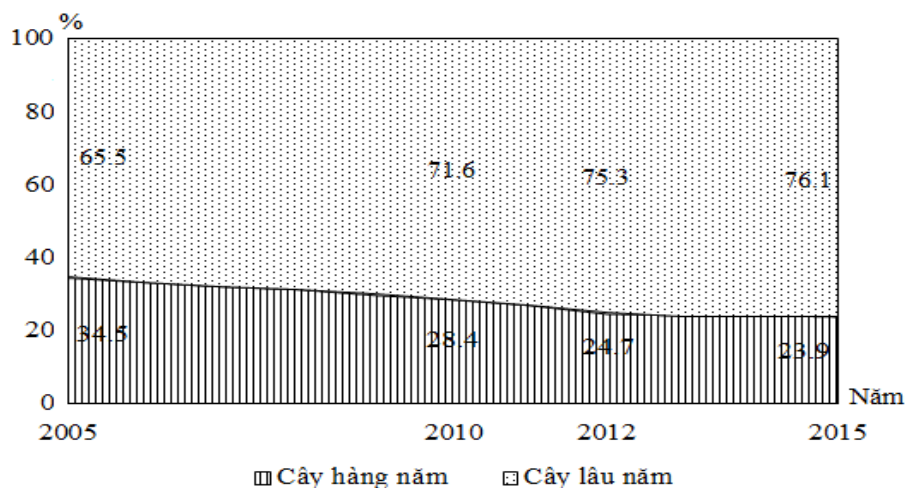
Năm	2000	2005	2009	2014
Tổng số	77,6	82,4	86,0	90,7
Thành thị	18,7	22,3	25,6	30,0
Nông thôn	58,9	60,1	60,4	60,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)

Để thể hiện sự thay đổi cơ cấu dân số phân theo thành thị, nông thôn giai đoạn 2000 – 2014, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Biểu đồ tròn. B. Biểu kết hợp. C. Biểu đồ cột D. Biểu đồ miền.

Câu 60: Cho biểu đồ:



Hãy cho biết biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Sự chuyển dịch cơ cấu diện tích cây công nghiệp nước ta.
- B. Sự chuyển biến giá trị sản xuất nông nghiệp theo ngành hoạt động.
- C. Quy mô giá trị sản xuất nông nghiệp theo ngành hoạt động.
- D. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông nghiệp theo ngành hoạt động.

Câu 61: Điểm cực Đông của nước ta thuộc tỉnh (TP) nào sau đây?

- A. Vũng Tàu.
- B. Cà Mau.
- C. Khánh Hòa.
- D. Phú Yên.

Câu 62: Cho bảng số liệu sau

SẢN LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ SẢN XUẤT THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA (2005-2010)

Năm	2005	2007	2009	2010
Sản lượng (nghìn tấn)	3 467	4 200	4 870	5 128
- Khai thác	1 988	2 075	2 280	2 421
- Nuôi trồng	1 479	2 125	2 590	2 707
Giá trị sản xuất (tỉ đồng)	38784	47 014	53 654	56 966

Nhận xét nào sau đây **đúng** khi nói về sản lượng và giá trị sản xuất thủy sản nước ta giai đoạn 2005-2010?

- A. Sản lượng khai thác luôn lớn hơn sản lượng nuôi trồng
- B. Sản lượng khai thác tăng chậm hơn sản lượng nuôi trồng
- C. Sản lượng nuôi trồng tăng chậm hơn sản lượng khai thác
- D. Sản lượng và giá trị sản xuất thủy sản qua các năm đều giảm

Câu 63: Tính chất nhiệt đới ẩm của sông ngòi nước ta **không** có biểu hiện nào sau đây?

- A. Chế độ nước sông phân hóa theo mùa
- B. Giàu phù sa.
- C. Lưu lượng nước sông lớn khoảng 839 tỷ m³
- D. Mạng lưới sông ngòi dày đặc.

Câu 64: Cao nhất cả nước với địa hình hiểm trở, các dãy núi có hướng TB- ĐN là đặc điểm của vùng núi

- A. Trường Sơn Nam.
- B. Tây bắc.
- C. Trường Sơn Bắc.
- D. Đông Bắc.

Câu 65: Bão lũ, trượt lở đất đá, hạn hán là những thiên tai thường xảy ra ở miền

- A. Miền Bắc và Đông Bắc bắc Bộ.
- B. Nam Trung bộ và Nam bộ.
- C. Tây bắc và Bắc Trung Bộ.
- D. Nam Bộ.

Câu 66: Theo quy hoạch để đảm bảo vai trò của rừng đối với môi trường, độ che phủ rừng ở nước ta phải đạt là

- A. 40%
- B. 45-50%
- C. 70-80%
- D. 100%

Câu 67: Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam, cho biết tỉnh (TP) nào sau đây của nước ta **không** giáp với Trung Quốc?

- A. Lai Châu.
- B. Lào Cai.
- C. Điện Biên
- D. Yên Bái.

Câu 68: Biển Đông nước ta có diện tích là

- A. khoảng 1 triệu km²
- B. 3,744 triệu km²
- C. 3,477 triệu km²
- D. 3,447 triệu km²

Câu 69: Sự phân hóa thiên nhiên nước ta theo độ cao thể hiện rõ ở sự phân hóa của

- A. nhiệt độ, sinh vật.
- B. khí hậu, đất đai, sinh vật.
- C. sinh vật, lượng mưa.
- D. đất đai.

Câu 70: Biện pháp quan trọng nhất để bảo vệ đất ở miền núi- trung du nước ta là:

- A. làm ruộng bậc thang
B. phát triển thủy lợi
C. cải tạo đất
D. Bảo vệ đất gắn với bảo vệ rừng

Câu 71: Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam, cho biết vịnh Xuân Đài thuộc tỉnh (TP) nào?

- A. Đà Nẵng.
B. Phú Yên.
C. Quảng Ngãi.
D. Khánh Hòa.

Câu 72: Quanh năm nhiệt độ thấp dưới 15°C , mùa đông xuống dưới 5°C các loại thực vật chủ yếu là thiết sam, lãnh sam.. là đặc điểm tự nhiên của đai

- A. nhiệt đới gió mùa ẩm.
B. cận nhiệt đới gió mùa trên núi cao ($> 1700\text{m}$)
C. cận nhiệt đới gió mùa
D. đai ôn đới gió mùa trên núi.

Câu 73: Cho bảng số liệu: SẢN LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ SẢN XUẤT THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA (2005-2010)

Năm	2005	2007	2009	2010
- Khai thác	1 988	2 075	2 280	2 421
- Nuôi trồng	1 479	2 125	2 590	2 707
Giá trị sản xuất (tỉ đồng)	38784	47 014	53 654	56 966

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tình hình phát triển ngành thủy sản nước ta giai đoạn 2005 -2010 là

- A. miền.
B. cột
C. kết hợp.
D. đường.

Câu 74: Địa hình thấp, bằng phẳng và trên bề mặt có nhiều kênh rạch là đặc điểm địa hình của đồng bằng

- A. Sông Hồng.
B. Bắc trung bộ.
C. Sông Cửu long.
D. Duyên hải miền Trung.

Câu 75: Cho bảng số liệu về nhiệt độ của một số nơi ở nước ta. ($^{\circ}\text{C}$)

Địa phương	Lạng Sơn	Hà Nội	Huế	Đà Nẵng	Quy Nhơn	TP HCM
t°_{TB} năm	$21^{\circ}2$	$23^{\circ}5$	$25^{\circ}1$	$25^{\circ}7$	$26^{\circ}8$	$27^{\circ}1$
t°_{TB} tháng 1	$13^{\circ}3$	$16^{\circ}4$	$19^{\circ}7$	$21^{\circ}3$	23°	$25^{\circ}8$
t°_{TB} tháng 7	27°	$28^{\circ}9$	$29^{\circ}4$	$29^{\circ}1$	$29^{\circ}7$	$27^{\circ}1$

Nhận định nào sau đây **chưa** chính xác?

- A. Càng vào nam nhiệt độ trung bình càng tăng
B. Vào tháng 1, độ vĩ càng tăng thì nhiệt độ trung bình càng giảm.
C. Vào tháng 7, nhiệt độ trung bình các địa điểm đều cao trên 25°C .
D. Càng vào nam biên độ nhiệt độ càng tăng.

Câu 76: Ngập lụt ở Trung Bộ diễn ra chủ yếu ở các tháng

- A. tháng V -X
B. tháng IX-XII.
C. tháng IX –X
D. tháng X –XII.

Câu 77: Đây **không phải** là tài nguyên khoáng sản biển?

- A. Cát
B. Sinh vật biển.
C. Dầu khí
D. Muối

Câu 78: Việt nam **không** tham gia vào tổ chức nào sau đây?

- A. ASEAN.
B. WTO.
C. OPEC
D. APEC

Câu 79: Hiện nay nước có dân số đông nhất Thế giới là

- A. Trung Quốc.
B. Liên Bang Nga.
C. Hoa Kỳ
D. Ấn độ.

Câu 80: Hiện tượng cát bay cát chảy lấn chiếm ruộng vườn làng mạc làm hoang hóa đất đai phổ biến nhất ở

- A. Bắc bộ
B. Nam bộ.
C. Tất cả các vùng ven biển.
D. Ven biển miền Trung.

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN ĐỀ THI MÔN ĐỊA LÝ

Mã đề Câu	301	302	303	304	305	306	307	308	309	310	311	312	313	314	315	316	317	318	319	320	321	322	323	324
Câu 41	D	D	B	D	A	C	B	A	B	C	C	A	C	B	B	D	C	B	C	B	B	A	C	D
Câu 42	A	C	A	D	B	A	D	A	C	A	B	D	C	D	B	A	A	B	B	B	B	D	C	B
Câu 43	B	B	B	C	A	C	A	A	B	B	D	C	D	C	B	B	D	D	A	A	B	C	B	C
Câu 44	A	C	B	B	A	C	C	A	B	C	B	A	D	A	D	A	B	B	D	D	B	D	B	D
Câu 45	B	B	A	D	D	B	C	A	B	D	A	B	D	B	D	B	D	D	D	D	D	A	B	D
Câu 46	C	D	A	C	A	A	D	D	A	B	C	C	C	B	B	A	D	A	D	C	A	D	B	D
Câu 47	B	C	C	C	B	A	C	C	D	A	C	B	B	C	C	C	D	B	A	C	B	C	B	B
Câu 48	C	B	C	D	C	A	C	D	B	D	D	A	C	C	A	B	A	A	B	C	C	D	A	C
Câu 49	A	D	B	C	D	D	D	B	A	B	A	B	D	A	C	D	C	C	C	A	C	A	C	A
Câu 50	D	A	D	A	B	A	C	C	D	D	B	D	A	C	C	A	C	C	C	B	A	B	A	C
Câu 51	A	B	C	B	A	B	C	A	B	C	C	D	B	A	C	D	C	D	B	A	C	C	D	D
Câu 52	B	B	D	A	C	D	A	B	D	D	A	A	A	C	D	D	B	D	D	D	D	A	B	D
Câu 53	C	A	D	D	D	C	B	C	C	D	B	D	C	D	B	B	C	A	C	A	B	B	A	C
Câu 54	D	D	C	A	A	B	D	D	C	A	B	B	A	D	C	B	D	A	A	B	D	B	B	B
Câu 55	A	A	C	B	C	C	C	D	C	D	B	A	D	D	A	C	C	B	C	D	C	B	D	B
Câu 56	C	D	D	B	B	D	B	A	B	A	C	D	D	D	D	D	D	D	A	A	D	D	C	A
Câu 57	B	A	B	D	B	B	D	B	D	C	D	B	D	B	B	A	C	A	C	D	B	D	C	A
Câu 58	A	B	C	C	C	B	D	D	D	A	B	B	C	C	C	D	C	D	B	C	C	D	D	C
Câu 59	D	C	B	B	D	D	A	C	C	A	C	D	C	B	C	D	B	C	C	D	A	D	C	B
Câu 60	A	A	B	D	A	A	B	D	B	A	D	B	C	D	C	A	C	B	A	B	C	A	D	A
Câu 61	C	A	B	B	D	A	B	C	A	B	A	B	C	C	D	B	A	A	B	A	D	B	C	A
Câu 62	B	D	C	A	B	C	B	B	C	D	A	C	B	A	A	D	A	C	C	B	A	D	D	B
Câu 63	A	D	C	D	B	B	C	B	B	C	D	B	A	C	A	C	D	D	A	B	D	B	A	A
Câu 64	B	C	C	C	C	C	C	B	A	B	A	C	D	B	B	D	A	C	D	D	B	A	A	D
Câu 65	C	C	B	A	C	B	D	C	D	C	B	D	D	D	A	B	A	D	B	D	B	C	B	C
Câu 66	B	A	D	B	D	D	A	D	C	A	B	B	B	A	D	C	A	A	B	D	D	C	C	A
Câu 67	D	B	A	D	B	D	A	A	A	B	B	A	C	A	D	B	B	D	D	D	C	C	D	C
Câu 68	A	C	A	C	C	C	D	B	C	C	A	D	B	A	D	B	B	B	A	A	B	C	A	A
Câu 69	B	B	A	C	D	B	B	D	A	B	C	A	D	B	C	D	B	B	A	C	A	A	A	B
Câu 70	D	C	D	D	B	D	A	B	A	C	C	C	A	B	B	C	A	C	D	A	A	B	A	A

Mã đề Câu	301	302	303	304	305	306	307	308	309	310	311	312	313	314	315	316	317	318	319	320	321	322	323	324
Câu 71	B	C	A	C	B	B	C	A	B	D	A	B	B	C	B	A	C	D	C	B	A	B	A	C
Câu 72	D	C	D	A	C	A	D	B	C	D	D	C	D	D	A	C	B	B	D	A	C	B	D	C
Câu 73	C	D	D	B	D	A	D	D	A	C	C	D	B	B	A	B	D	A	B	B	C	C	B	C
Câu 74	C	A	B	B	D	D	A	B	A	B	D	D	A	B	A	C	B	C	C	B	A	C	D	D
Câu 75	D	D	A	B	A	C	B	D	D	A	C	C	A	C	B	C	C	B	A	C	D	B	A	C
Câu 76	C	D	A	C	D	C	B	C	C	D	A	C	B	D	C	A	A	C	C	B	A	A	D	B
Câu 77	B	B	C	B	D	B	A	B	D	D	D	D	B	A	A	C	D	B	D	C	D	B	C	D
Câu 78	C	B	D	D	A	B	C	D	A	C	A	C	A	C	D	B	D	C	B	C	A	C	B	D
Câu 79	A	D	D	A	C	D	A	C	A	B	B	C	A	D	D	C	B	C	D	C	B	D	C	B
Câu 80	D	B	B	A	A	A	A	C	D	B	D	A	A	B	B	A	A	A	A	A	C	C	B	B